

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2024

V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Toàn; ông Lê Văn Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thạch – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Điệp - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐST- HNGĐ ngày 12/9/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thùy H**; Sinh ngày: 08/10/1973;

Địa chỉ: **Tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh**. Có mặt

Bị đơn: Anh **Tạ Xuân H1**; Sinh ngày: 08/03/1976

Địa chỉ: **Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh**. Vắng mặt không rõ lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 02 năm 2024, trong bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn chị **Trần Thị Thùy H** trình bày:

Chị **Trần Thị Thùy H** và anh **Tạ Xuân H1** kết hôn vào ngày 10 tháng 05 năm 2001, tại **UBND xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh**. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng hòa thuận được ba năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong gia đình nên thường xuyên xúc phạm nhau. Bản thân anh **H1** thường xuyên uống rượu say, gây sự với vợ con. Mặc dù nhiều lần chị **H** khuyên ngăn nhưng anh **H1** không nghe. Đến năm 2005 anh **H1** bỏ về nhà mẹ đẻ tại **xã K** sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị **H** xét thấy chị không còn tình cảm với anh **H1** nữa nên chị đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Chị **Trần Thị Thùy H** và anh **Tạ Xuân H1** có 02 con chung cháu: **Tạ Trần Quốc H2**, sinh ngày 24 tháng 07 năm 2002, **Tạ Huy H3**, sinh ngày 23 tháng 06 năm 2004. Các con đã trên 18 tuổi nên con ở với ai là quyền lựa chọn của các con, chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Chị **Trần Thị Thùy H** và anh **Tạ Xuân H1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Còn ý kiến của anh **Tạ Xuân H1**: Tại biên bản tự khai ngày 03 tháng 5 năm 2024, biên bản hòa giải ngày 23/8/2024 anh **Tạ Xuân H1** trình bày: Anh **H1** thống nhất về việc kết hôn như lời trình bày trên của chị **H**. Quá trình chung sống ban đầu có cuộc sống hạnh phúc và sinh được 2 con chung. Tuy nhiên trong cuộc sống giữa anh chị mâu thuẫn nhau, do nguyên nhân không hợp tính nhau. Mặc dù hiện tại đã ly thân từ năm 2015, anh **H1** về nhà mẹ đẻ tại **xã K** sinh sống 20 năm nay không ai quan tâm hay hỏi han nhau. Nhưng do tuổi đã nhiều, con cái đã lớn và trưởng thành, anh **H1** không mong muốn ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh **Tạ Xuân H1** thống nhất số con như chị **H** trình bày, các con đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và đi làm ăn, con ở với ai là quyền lựa chọn của các con nên anh **H1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Anh **Tạ Xuân H1** thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được phân công tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh **Tạ Xuân H1** quá trình giải quyết vụ án anh không tuân thủ giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt cả hai phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Trần Thị Thùy H** được ly hôn anh **Tạ Xuân H1**.

- Về con chung: Các con đã trên 18 tuổi, chị **H**, anh **H1** không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Trần Thị Thùy H** và anh **Tạ Xuân H1** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh **Tạ Xuân H1**, cư trú tại **Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh** tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh **Tạ Xuân H1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tại biên bản tự khai ngày 03/5/2024, biên bản hòa giải ngày 23/8/2024, anh **Tạ Xuân H1** trình bày rõ nội dung yêu cầu. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị **Trần Thị Thùy H** và anh **Tạ Xuân H1** là hoàn toàn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh**. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng hòa thuận, thương yêu giúp đỡ nhau trong cuộc sống để tạo lập gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên hạnh phúc chỉ kéo dài được 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong gia đình nên thường xuyên xúc phạm nhau. Bản thân anh **H1** bộc lộ tật xấu hay uống rượu say, gây sự với vợ con. Mặc dù nhiều lần chị **H** khuyên ngăn nhưng anh **H1** không nghe, vẫn chứng nào tật nấy, đến năm 2005 anh **H1** thì bỏ về nhà mẹ đẻ tại **xã K** sinh sống ly thân chị **H** từ đó. Tại các ý kiến trình bày của anh **H1**, anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã rất lâu, hai người không còn quan tâm gì nhau nữa nhưng do tuổi đã nhiều nên không muốn ly hôn, muốn đoàn tụ vì con, tuy nhiên anh không có biện pháp gì để níu kéo tình cảm của chị **H**.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị **Trần Thị Thùy H** được ly hôn với anh **Tạ Xuân H1** là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Các con đã trên 18 tuổi, đã đi làm ăn, ở với ai là quyền lựa chọn của các con, cả anh **H1**, chị **H** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Trần Thị Thùy H** và anh **Tạ Xuân H1** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí: Chị **Trần Thị Thùy H** phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 26, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị **Trần Thị Thùy H** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh **Tạ Xuân H1** vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều

26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Trần Thị Thùy H**. Xử cho chị **Trần Thị Thùy H** được ly hôn anh **Tạ Xuân H1**.

2. Về án phí: Xử buộc chị **Trần Thị Thùy H** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí số 5556 ngày 5 tháng 4 năm 2024. Tiền án phí chị **Trần Thị Thùy H** đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Chị **Trần Thị Thùy H** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh **Tạ Xuân H1** vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn: Chị H;
- Bị đơn: Anh H1;
- VKS ND huyện Kỳ Anh;
- VKS ND tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Hoa, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Cường

